

Quỹ ETF SSIAM VN30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No. 1320 2024/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024/ Hanoi, 29 Aug 2024

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU ĐỂ
HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ
ETF**

**BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH
TO EXCHANGE FOR AN ETF CREATION UNIT**

Kính gửi: Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Vietnam Securities Depository
Hochiminh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV30
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ Tel: 024.39366321 Fax: 024.39366337

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **30/08/2024**

- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities code	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Securities		
1	ACB	4,600	6.88%
2	BCM	100	0.43%
3	BID	200	0.60%
4	BVH	100	0.28%
5	CTG	900	1.91%
6	FPT	1,200	9.73%
7	GAS	100	0.51%
8	GVR	100	0.21%
9	HDB	2,600	4.31%
10	HPG	4,300	6.68%
11	MBB	3,300	4.97%
12	MSN	700	3.26%
13	MWG	1,400	5.87%
14	PLX	100	0.30%
15	POW	700	0.58%
16	SAB	100	0.35%
17	SHB	3,800	2.43%
18	SSB	2,000	2.32%
19	SSI	1,200	2.47%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities code	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Securities		
20	STB	2,300	4.25%
21	TCB	5,600	7.81%
22	TPB	1,300	1.41%
23	VCB	700	3.88%
24	VHM	1,600	4.03%
25	VIB	1,500	1.66%
26	VIC	1,400	3.75%
27	VJC	300	1.90%
28	VNM	1,000	4.46%
29	VPB	5,800	6.67%
30	VRE	1,100	1.28%
II	Tiền/Cash (VND)	79,371,507	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between the value of*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*The value of Basket* 1,569,560,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/*The value of an ETF Creation Unit* 1,648,931,507 VND

+ Giá trị chênh lệch/*Difference in cash* 79,371,507 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the difference*

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer the*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ di thuế, phí

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/*In case, securities can be substituted by*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	SSI	33,950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
2	BID	49,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular</i>
3	BVH	45,350	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular</i>
4	ACB	24,650	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MBB	24,850	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	VIB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UB CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC